

TÁT BÀ ĐA TỶ NI TỶ BÀ SA

QUYỂN 2

1. Bảy loại đặc Giới Pháp:

Hỏi: Sau khi thành đạo được mấy năm Phật mới cho pháp bạch tứ yết ma thọ giới?

Đáp: Có thuyết cho là một năm sau khi Phật thành đạo, lại có thuyết cho là bốn năm, lại có thuyết cho là tám năm. Theo nghĩa mà suy thì tám năm sau khi thành đạo là đúng nghĩa; vì Phật thành đạo vào ngày mồng tám tháng mười hai, sao Phất (sao Mai) vừa mọc; Phật dẫn sanh vào ngày mồng tám tháng tư, sao Mai vừa mọc; Phật chuyển pháp luân vào ngày mồng tám tháng tám, sao Mai vừa mọc; Phật nhập niết bàn vào ngày mồng tám tháng hai, sao Mai cũng vừa mọc. Sau khi thành đạo trong bốn mươi chín ngày Phật tự tại trong các pháp môn và quán chúng sanh, bảy ngày đầu Phật nhập pháp môn Hỷ, bảy ngày thứ hai Phật nhập pháp môn Lạc, bảy ngày thứ ba Phật nhập các môn giải thoát, bảy ngày thứ tư Phật nhập pháp môn đại xả, bảy ngày thứ năm Phật nhập pháp quán thuận nghịch mười hai nhân duyên, bảy ngày thứ sáu lại trải qua các pháp môn trên và bảy ngày sau cùng Phật quán chúng sanh, ai đáng được độ.

Hỏi: Phật tu Bồ tát hạnh trong ba A-tăng-kỳ kiếp, nay thành đạo để hóa độ chúng sanh, vì sao trong bốn mươi chín ngày lại tự tại trong các pháp môn mà không liền hóa độ?

Đáp: Phật phải tự an thân trước rồi sau mới hóa độ chúng sanh, sở dĩ trong bốn mươi chín ngày tự tại trong các pháp môn là để thân tâm được điều thuận rồi mới độ sanh. Lại nữa, vì năm anh em Kiều-trần-như căn cơ chưa chín muồi và vì Phật pháp đáng tôn trọng nên từ từ nói sau; lại vì muốn cho Phạm thiên vương được mãn bốn nguyện. Bốn nguyện của Phạm thiên vương là sau khi Phật thành đạo sẽ là người đầu tiên thỉnh Phật chuyển pháp luân, nên Phật đợi Phạm thiên vương đến thỉnh rồi mới thuyết pháp. Qua bốn mươi chín ngày, Phật khởi niệm khiến cho Phạm thiên vương biết, lúc đó như trong khoảng co duỗi cánh tay, Phạm

thiên vương biến mất ở cõi Sắc hiện ra trước Phật tỉnh Phật chuyển pháp luân, Phật nhận lời rồi quán chúng sanh ai đáng được hóa độ. Ví như rồng lớn từ biển cả xuất hiện, mây đen bao phủ muốn làm mưa to nên quán trong cõi Diêm phù đề sẽ mưa xuống ở đâu. Phật cũng vậy, từ trong biển vô lượng đại pháp xuất hiện, mây từ bi bao phủ muốn ban xuống mưa pháp nên quán chúng sanh ai đáng được độ trước. Lúc đó Phật nghĩ đến hai bậc thầy dị đạo là A-lan-Ca-lan và Uất-đầu-lam-phát, nhưng hai vị này đã qua đời, Phật nói: “Pháp cam lồ sắp khai nhưng vì già suy nên họ không thể nghe được, sanh tử qua lại duyên gì được dứt”.

Hỏi: Nếu hai vị ấy đáng được độ vào đạo thì đáng lẽ không nên qua đời mà đợi để được nghe pháp, nếu họ không đáng được độ vào đạo, vì sao Phật lại khởi niệm muốn độ?

Đáp: Vì Phật muốn khiến chúng sanh không quên ân đức, hai vị này trước đây có chút ân, Phật còn nhớ nghĩ muốn độ hướng chi là người có ân lớn mà có thể quên hay sao. Lại nữa, hai bậc thầy dị đạo này vốn được người đương thời tôn trọng cho là người đắc đạo, Phật muốn diệt tất cả ý tưởng tà để hiển rõ pháp mà chín mươi sáu phái dị đạo nói ra không phải là pháp yếu. Phật lại quán biết chỉ có năm anh em Kiều-trần-như là đáng được vị cam lồ nên trong vườn Nai để hóa độ. Phật và năm vị này an cư đồng một chỗ, năm vị này luân phiên nhau hễ ba vị đi khát thực thì hai vị kia ở tại trú xứ nghe pháp, ngược lại nếu hai vị kia đi khát thực thì ba vị này ở tại trú xứ nghe thuyết pháp.

Hỏi: Vì sao lại chia phiên như thế mà không đi và ở cùng nhau?

Đáp: Sở dĩ không đi và ở cùng nhau là vì vừa khát thực được thức ăn vừa có thể được nghe pháp. Lúc đó năm vị này tuy chưa đắc giới nhưng cạo tóc mặc ca sa như Phật, trong thời gian an cư Phật thuyết giảng về bố thí, trì giới và các pháp Âm giới nhập để điều phục tâm họ. Cùng an cư xong ba tháng đến ngày mồng tám tháng tám, năm vị này đều được Kiến đế chứng quả Tu-đà-hoàn là những người được Phật chuyển pháp luân truyền trao chánh pháp đầu tiên. Kế đó Phật độ Bảo xứng... năm người đều là Tỳ-kheo thiện lai, kế độ thêm năm mươi người cũng đều là Tỳ-kheo thiện lai, cứ như thế Phật độ càng ngày càng đông. Sau đó Phật bảo các Tỳ-kheo nên du hành trong nhân gian truyền bá chánh pháp, lúc đó người đời bỏ tục vào đạo càng đông, các Tỳ-kheo hoặc dạy bảo họ nói ba lần để được thọ đắc giới hoặc bảo họ thọ pháp Tam quy để được đắc giới. Tùy theo nghiệp lực đời trước của mỗi người, nếu là người đáng nói ba lần được đắc giới thì dạy bảo nói ba lần; nếu

là người đáng nói pháp Tam quy được đắc giới thì dạy bảo họ thọ pháp Tam quy. Như trường hợp Tỳ-kheo Ngưu ty dẫn theo bảy vạn người đến chỗ các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đều dạy bảo họ nói ba lần. Trường hợp Đại Ca-diếp đến chỗ Phật bạch rằng: “Phật là thầy, con là đệ tử; Thế tôn Tu-già-đà là thầy, con là đệ tử”, bạch xong liền đắc giới, đây là tự thọ đắc giới. Sau đó huynh đệ của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và môn đồ một ngàn người; Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng môn đồ hai trăm năm mươi người, tổng cộng một ngàn hai trăm năm mươi người đều là Tỳ-kheo thiện lai. Trong kinh thường nêu con số một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo là chỉ cho các vị này, vì các vị này đồng là thuộc dòng Bà-la-môn xuất gia, thầy trò và môn đồ rất đông lại đồng là Tỳ-kheo thiện lai và đều là A-la-hán. Sau đó Phật bảo A-nan truyền trao tám pháp kính cho Đại Ái đạo mà được thọ đắc giới; mười bốn năm sau đó Phật mới cho pháp bạch tứ yết ma thọ giới.

Có tất cả bảy loại thọ giới: Một là Kiến đế thọ đắc giới, hai là Phật gọi thiện lai được đắc giới, ba là nói ba lần được thọ đắc giới, bốn là thọ pháp Tam quy đắc giới, năm là tự thọ đắc giới, sáu là thọ tám Kính pháp đắc giới và bảy là bạch tứ yết ma thọ đắc giới. Trong bảy loại này, loại Kiến đế thọ đắc giới chỉ có năm người, không có thêm ai khác; loại Thiện lai đắc giới, nói ba lần thọ đắc giới và thọ pháp Tam quy đắc giới thì khi Phật còn ở đời mới có, sau khi Phật diệt độ thì không có nữa; loại Tự thọ đắc giới chỉ có một mình tôn giả Đại Ca-diếp, không có thêm ai khác; loại thọ tám Kính pháp đắc giới chỉ có một mình ni Đại Ái đạo; loại bạch tứ yết ma thọ đắc giới thì dù Phật còn ở đời hay sau khi Phật diệt độ vẫn đắc giới.

Hỏi: Phật và Phật Bích chi làm sao đắc giới?

Đáp: Vô sư đắc giới.

Hỏi: Từ giáo đắc giới hay không từ giáo đắc giới?

Đáp: Không từ giáo đắc giới. Có thuyết cho là cũng từ giáo đắc giới, như khi Phật ngồi kiết già dưới gốc cây nói rằng: “Nếu không được Lậu tận sẽ không rời khỏi chỗ này”, liền thành tựu thân giáo và khẩu giáo, sau đó được Lậu tận và đồng thời đắc giới, đây là từ giáo mà đắc giới. Phật Bích chi cũng vậy, nếu Phật Bích chi tu hành trăm kiếp ra đời vào thời không có Phật pháp, chỉ có được một pháp, không có được hai pháp; như con Tê giác chỉ có một sừng, không có sừng thứ hai; bỏ tục xuất gia ở một mình chỗ tịch tĩnh, tự nói kệ xa lìa ác pháp sẽ được thiện pháp, thiện ác đều dứt mà được đắc đạo, ngay lúc đó thân khẩu giáo đều thành tựu, khi được Lậu tận thì đồng thời cũng đắc giới, đây là từ

giáo mà đắc giới. Nếu ba quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và A-na-hàm sau khi Phật diệt độ được Lưu tận thì gọi là Phật Bích chi độn căn. Sau khi Phật diệt độ, Phật Bích chi độn căn này xuất hiện ở đời không hạn định nhiều hay ít, hoặc một hoặc hai hoặc rất nhiều. Phật cùng Phật Bích chi tu hành trăm kiếp được Lưu tận không có khác nhau về thứ bậc. Bậc Kiến đế đắc giới hoặc từ giáo mà đắc giới hoặc không từ giáo mà đắc giới, từ giáo mà đắc giới là qua một mùa an cư được nghe pháp, thân khẩu giáo đều thành tựu, khi được Kiến đế thì đồng thời cũng đắc giới. Phật, Phật Bích chi và bậc Kiến đế đắc giới cả ba có điểm giống nhau cũng có điểm khác nhau; giống là đồng đắc giới cụ túc, đồng ngăn chặn bảy điều ác nơi thân khẩu, đồng ở trong tâm vô lậu mà đắc giới; khác là Phật và Phật Bích chi là vô sư đắc giới, còn bậc Kiến đế là từ Phật mà đắc giới. Lại nữa, Phật và Phật Bích chi do Đại tận trí hiện tại tiền mà đắc giới và là bậc Vô học đắc giới, còn bậc Kiến đế do Đạo vị trí trí hiện tại tiền mà đắc giới và là bậc Hữu học đắc giới.

Hỏi: Ba bậc này trong mười trí do trí nào hiện tiền mà đắc giới?

Đáp: Phật và Phật Bích chi do Đại tận trí hiện tại tiền mà đắc giới.

Hỏi: Ở trong tâm vô lậu sao lại đắc giới hữu lậu?

Đáp: Pháp ứng như vậy là do nghiệp lực, trong tâm vô lậu đắc cả hai giới vô lậu và giới hữu lậu; bậc Kiến đế do Đạo vị trí trí hiện tại tiền mà đắc giới, ở trong tâm vô lậu cũng đắc cả hai giới vô lậu và giới hữu lậu. Trong năm vị tôn giả Kiến đế đắc giới thì tôn giả Kiều-trần-như là Thượng tòa vì được kiến đế đầu tiên; trong những vị Thiện lai đắc giới thì tôn giả Bảo xứng là Thượng tòa vì là người đến trước nhất; trong nói Tam ngữ thọ đắc giới và thọ pháp Tam quy đắc giới cũng vậy, người nào thọ đầu tiên thì người đó là Thượng tòa. Ba loại Kiến đế, Thiện lai và Tự thệ đắc giới phải từ Phật mà đắc giới.

Hỏi: Có phải tôn Phật làm Hòa thượng, A-xà-lê không?

Đáp: Phật không vì người làm Hòa thượng nên không được gọi.

Hỏi: Từ bên các Tỷ-kheo thọ Tam ngữ và pháp Tam quy đắc giới có phải tôn các vị này làm Hòa thượng, A-xà-lê không?.

Đáp: Không gọi là Hòa thượng nhưng được gọi là A-xà-lê, ni Đại Ái đạo từ bên tôn giả A-nan thọ tám Kính pháp cũng được tôn A-nan làm A-xà-lê mà không gọi là Hòa thượng.

Hỏi: Vì sao Phật không vì người làm Hòa thượng, A-xà-lê?

Đáp: Vì bình đẳng, tâm Phật bình đẳng đối với tất cả, không có thiên vị nên không làm Hòa thượng cho người này, cũng không làm

Hòa thượng cho người kia. Lại nữa, để ngăn dứt tranh cãi; vì nếu làm Hòa thượng, A-xà-lê thì sẽ có thân sơ, hễ có thân sơ thì sẽ có tranh cãi. Lại nữa, để ngăn dứt phỉ báng vì nếu làm Hòa thượng, ngoại đạo sẽ nói: “Sa-môn Cù-đàm tự cho mình là từ bi bình đẳng đối với tất cả mà lại làm Hòa thượng cho người này, không làm Hòa thượng cho người kia, đâu có khác gì phàm phu”. Lại nữa, vì thành tựu pháp Tam quy, nếu Phật làm Hòa thượng sẽ phải ở trong Tăng số; như thọ giới cụ túc có tam sư thất chứng, nếu Phật làm Hòa thượng thì phải ở trong tam sư thuộc trong Tăng số mười người thì không có Phật bảo, không có Phật bảo thì không thành pháp Tam quy. Lại nữa, vì thành tựu sáu pháp Niệm, nếu Phật làm Hòa thượng thì không có Niệm Phật. Lại nữa, nếu Phật làm Hòa thượng thì khi đệ tử có bệnh, Hòa thượng phải chăm sóc lo liệu thức ăn thức uống và thuốc thang, đây há là điều mà đấng Pháp vương nên làm hay sao. Lại nữa, nếu Phật làm Hòa thượng, khi đệ tử có bệnh và các nạn khổ, Hòa thượng phải cung cấp đầy đủ, nếu có thiếu sót điều gì thì sẽ diệt mất các công đức đã có của người trước mặt. Như xưa kia có một Tỳ-kheo đáng lẽ chứng được quả A-la-hán, vì có nghiệp của Chuyển luân thánh vương làm chướng nên không được Lưu tặc, Phật liền vì vị này mà làm chánh phú la khiến cho nghiệp của Chuyển luân thánh vương được dứt hết, ngay lúc đó liền được không còn chấp thủ. Do nhân duyên này, Phật nếu làm Hòa thượng sẽ không có lợi ích, chỉ có tổn hại. Lại nữa, Phật pháp lưu truyền có gần có xa, nếu Phật làm Hòa thượng khi đệ tử muốn thọ giới, không luận gần xa Phật đều phải đến, sẽ khiến cho chúng sanh chịu nhiều khổ não; nếu Phật không làm Hòa thượng sẽ không khiến cho đệ tử có các nạn khổ như thế. Lại nữa, nếu Phật làm Hòa thượng thì khi Phật còn ở đời có thể như thế, nhưng sau khi Phật diệt độ thì ai sẽ làm Hòa thượng. Do nhiều nhân duyên như thế nên Phật không làm Hòa thượng, A-xà-lê cho đệ tử.

Hỏi: Trong bảy loại thọ đặc giới có mấy loại từ Phật đặc giới, mấy loại không từ Phật?

Đáp: Nói chung thì tất cả bảy loại đều từ Phật đặc giới, vì Phật ra đời mới có giới này; nhưng theo nghĩa mà suy thì có ba loại thọ đặc giới từ Phật: Một là Kiến đế đặc giới, hai là Thiện lai đặc giới, ba là Tự thọ đặc giới; bốn loại thọ đặc giới từ đệ tử Phật: Một là Tam ngữ thọ đặc giới, hai là thọ pháp Tam quy đặc giới, ba là thọ tám pháp Kính đặc giới và bốn là bạch tứ yết ma thọ đặc giới.

Hỏi: Trong bảy loại thọ đặc giới có mấy loại đặc giới từ người khác, mấy loại tự đặc giới?

Đáp: Có sáu loại đặc giới từ người khác, trong đây nên phân biệt loại Kiến đế đặc giới trên căn bản là nhờ nghe pháp từ Phật mà được chứng Thánh đế nên gọi là đặc giới từ người khác; nhưng từ trên nghĩa mà suy, nếu tự dùng Nhân trí quán chiếu Chân đế mà được đặc giới thì gọi là tự đặc giới.

Hỏi: Trong bảy loại thọ đặc giới có mấy loại do bạch mà đặc giới, mấy loại không do bạch mà đặc giới?

Đáp: Có sáu loại không do bạch mà đặc giới, chỉ có loại bạch tứ yết ma là phải do bạch mới đặc giới.

Hỏi: Trong bảy loại thọ đặc giới có mấy loại là nghiệp, mấy loại không phải là nghiệp?

Đáp: Cả bảy loại đều gọi là nghiệp.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại Tỳ-kheo không đồng với Tỳ-kheo-ni?

Đáp: Có năm loại đó là Kiến đế đặc giới, Thiện lai đặc giới, Tam ngữ đặc giới, thọ pháp Tam quy đặc giới và Tự thệ đặc giới.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại Tỳ-kheo-ni không đồng với Tỳ-kheo?

Đáp: Chỉ có một là thọ tám pháp Kính đặc giới.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni chung?

Đáp: Chỉ có một là bạch tứ yết ma thọ đặc giới.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại thông cả ba châu thiên hạ, có mấy loại không thông cả ba châu?

Đáp: Có một loại thông khắp ba châu là bạch tứ yết ma thọ đặc giới; sáu loại kia chỉ có ở cõi Diêm phù đề, không thông khắp ba châu.

Hỏi: Trong bảy loại có mấy loại thọ đặc giới suy yếu, có mấy loại không suy yếu, mấy loại xả, mấy loại không xả, mấy loại căn biến đổi, mấy loại căn không biến đổi, mấy loại đoạn căn lành, mấy loại không đoạn căn lành?

Đáp: Có một loại thọ đặc giới suy yếu, sáu loại kia không suy yếu; có một loại xả, sáu loại kia không xả; có một loại căn biến đổi, sáu loại kia căn không biến đổi; có một loại đoạn căn lành, sáu loại kia không đoạn căn lành. Nói một loại đó là loại bạch tứ yết ma thọ đặc giới, vì chúng sanh phước cạn mỏng nên cảm được loại thọ đặc giới này; vì vậy không kiên cố và có nhiều tai họa. Sáu loại kia là từ Kiến đế đặc giới cho đến thọ tám pháp Kính đặc giới, vì chúng sanh phước đức sâu dày nên mới đặc giới loại này; vì vậy trước sau kiên cố không có

các tai hoạn.

Hỏi: Trong bảy loại này có mấy loại là tăng thượng tôn trọng, mấy loại không tôn trọng?

Đáp: Nói chung thì cả bảy loại đều tôn trọng, nhưng đứng trên nghĩa mà phân biệt thì có điểm sai khác nhau: sáu loại đặc giới từ Kiến đế cho đến thọ tám pháp Kính do lực công đức của chúng sanh sâu dày nên mới đặc giới, vì vậy gọi là thù thắng nhưng vì không thể duy trì chánh pháp nên trở thành không thù thắng, Như Kiến đế đặc giới chỉ có năm người, Tự thệ đặc giới chỉ có một người, thọ tám pháp Kính đặc giới chỉ có một người, sau đó không có thêm ai khác nữa; như Thiện lai đặc giới thì từ tôn giả Tu bạt trở về sau không có ai khác nữa; Tam ngữ đặc giới và thọ pháp Tam quy đặc giới thì trong vòng tám năm từ khi Phật thành đạo thì có người đặc giới, nhưng sau tám năm thì không có ai đặc giới nữa. Riêng loại bạch tứ yết ma thọ đặc giới thì dù Phật còn ở đời hay sau khi Phật diệt độ, tất cả thời đều có người đặc giới, Phật pháp trước sau đều dùng loại bạch tứ yết ma thọ giới làm căn bản để nối thành Tam bảo và làm lợi ích cho vô số người. Cho nên trong bảy loại thọ đặc giới thì loại bạch tứ yết ma là thù thắng, vi diệu và đáng tôn trọng nhất.

Hỏi: Trong bảy chúng có mấy chúng từ Phật thọ đặc giới, mấy chúng không từ Phật thọ đặc giới?

Đáp: Nói chung thì cả bảy chúng đều từ Phật thọ đặc giới vì Phật hiện ra đời mới có bảy chúng này, nhưng trên Sự mà suy ra thì trong bảy chúng chỉ có ba chúng: Tỳ-kheo, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di là từ Phật thọ đặc giới; trong chúng Sa-di thì chỉ có hai Sa-di Nan đế và Da-xá là từ Phật thọ đặc giới; ba chúng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na và Sa-di-ni thì không từ Phật thọ đặc giới do hai nguyên nhân: Một là ngăn dứt phỉ báng, vì nếu ba chúng này từ Phật thọ đặc giới thì ngoại đạo sẽ phỉ báng: “Sa-môn Cù-đàm vốn ở trong cung vua giữa các cung phi mỹ nữ, nay tuy đã xuất gia vẫn độ người nữ để tự vui”, hai là Phật thành đạo mục đích hóa độ tất cả chúng sanh, trước khởi lòng tin quy hướng không nghi thì đạo pháp mới lưu truyền khắp cõi trời người, vì bỏ gần lấy xa nên ba chúng này không được từ Phật thọ đặc giới.

TỤNG THỨ NHẤT

2. Nhân duyên kết bốn Ba-la-di:

a. Nhân duyên kết giới Dâm:

Cạo bỏ râu tóc đắp mặc ca sa

Hỏi: Không cạo bỏ râu tóc có đặc giới không?

Đáp: Đặc giới nhưng không phải là oai nghi (của người xuất gia)

Hỏi: Không có y bát có đặc giới không, vì sao phải cần có y bát?

Đáp: Một là vì oai nghi, hai là làm cho người khác sanh tâm tín kính, như người thợ săn mặc ca sa khiến cho con nai nhìn thấy không sanh tâm sợ; ba là hiện tướng khác với thế tục vì đức bên trong đã khác thì tướng bên ngoài cũng phải khác để người khác sanh tín tâm.

Tin là tin Tam bảo sẽ được vào cõi trời người, tin tà đạo sẽ đọa vào ba đường ác; tin thì mới biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt và tu Đạo; không tin là không tin thiện ác, bốn đế. Tin nhà là không phải nhà: Nhà là chỉ cho cha mẹ, vợ con, anh em quyến thuộc; không phải nhà là chỉ cho vô thường biến hoại không thể tồn tại lâu dài; tin nhà thì tăng trưởng tham sân đấu tranh đủ các pháp ác, tin không phải nhà thì tăng trưởng công đức thiện pháp.

Từ bỏ gia đình, quê hương xứ sở: Luận về người xuất gia nên diệt trừ hệ lụy, muốn diệt trừ hệ lụy thì phải rời bỏ gia đình vì gia đình là nhân duyên phiền não.

Bố thí thức ăn được năm công đức: Một là được sắc đẹp, hai là đoan chánh trang nghiêm, ba là được sức khỏe, bốn là được biện tài, năm là được sống lâu.

Theo thứ lớp khát thực: Mỗi ngày đi đến một nhà khát thực, nếu được thức ăn thì ăn, nếu không đủ thì theo thứ lớp đến nhà khác, như thế cho đến bảy nhà, nếu được thức ăn thì ăn, không đủ thức ăn cũng dừng lại. Có thuyết cho rằng theo thứ lớp khát thực hết nhà này đến nhà khác cho đến khi đủ thức ăn thì dừng, không giới hạn nhiều nhà hay ít nhà; hôm sau đi khát thực cũng theo thứ lớp như thế.

Hỏi: Vì sao phải thọ pháp khát thực?

Đáp: Một là vì tại gia có nhiều phiền não do nhiều nhân duyên, hai là nếu vì sân não làm điều phi pháp thì thức ăn thì không thanh tịnh, ba là quán tâm ý và sắc mặt của người cho mà tâm không an nhiên, bốn là vì thiếu dục tri túc tu hành thánh chủng. Nếu thọ thí chủ thỉnh thực cũng có lỗi lầm: Như được thỉnh thực nếu thức ăn thô dở thì bảo thí chủ làm cho ngon, nếu thức ăn ít thì bảo làm nhiều hơn, nếu món ăn này vị không ngon thì bảo dọn lên món ăn có vị ngon hơn. Lại nữa thọ thỉnh

thực sẽ có tâm mong cầu, không phải là pháp thiếu dục tri túc thánh chủng; năm là trên đàn thọ giới đã thọ pháp Tứ y, nếu thọ thỉnh thực thì thường sanh tâm ta người, được mất; còn khát thực tâm được an nhiên, không bị ràng buộc cũng không có tăng giảm; sáu là thức ăn của chúng thì có lúc hết còn khát thực thì thức ăn vô cùng, chỉ cần trong thiên hạ có người thì ắt sẽ có thức ăn, cho nên khát thực thì thức ăn là vô cùng tận nên Phật bảo các đệ tử nên tu theo pháp vô cùng tận này.

Phật pháp khó thành: Như người vào biển cả tìm châu báu, đi thì nhiều nhưng trở về được thì rất ít; vào biển Phật pháp cũng vậy, hoại thì nhiều mà thành thì rất ít, như cầm dao bén tự cắt thân muốn không bị thương thì thật là rất khó. Thọ Phật giới, tu pháp thân thanh tịnh, bên trong hoại dao bén phiền não ác pháp mà không hoại pháp thân thì thật là rất khó.

Chưa kết giới này là ban đầu Phật chỉ nói tất cả điều ác không nên làm, chưa kết năm thiên giới tội tướng khinh trọng.

Làm việc dâm dục: Một là vì phiền não huân tập lâu đời, hai là cần cha mẹ giao hội để có con phước đức, ba là vì dư báo tâm dâm chưa dứt. Có người từ khi sanh ra cho đến khi trưởng thành không hành dâm liền được Lộ tận, nhưng có người phải trải qua dâm dục mới được Lộ tận là do nhân duyên đời trước đã đoạn tận hay chưa đoạn tận; bốn là làm nhân duyên kết giới, vì nếu không xảy ra việc này thì không do đâu kết giới. Làm như vậy đến ba lần là ôm lòng dâm đến ba lần đòi hỏi, khi có được con (có thai) liền thôi, không đòi hỏi nữa.

Tục chủng: Pháp đặt tên ở thế gian là có nhân duyên: Một là do tên gọi từ đời trước nên nay đặt theo tên ấy, hai là đặt tên theo các vì sao, ba là đặt tên theo nhân duyên. Như trường hợp Tu-đề-na do nhân duyên không có con nối dòng nên khi có con đặt tên là Tục chủng, nghĩa là nối dòng nối dõi; bốn là nhân nơi đức mà đặt tên, như Luật sư là người thông hiểu về Luật, Luận sư là người thông hiểu về luận nghĩa...

Dục tướng: Tuy thân khẩu không động nhưng trong tâm nghĩ nhớ người nữ; Dục giác: Tâm say mê, người đờ đẫn; Dục nhiệt: Hai thân giao hội.

Tập Tăng: Một là Phật hiện bày không tự chuyên quyết đoán, hai là Phật không phải nhóm Tăng để cùng quyết đoán tội nặng nhẹ rồi kết giới, mà Phật chỉ cùng Tăng hòa hợp khiến cho người phạm tội phải tâm phục; ba là như quốc vương giữ nước tuy được tự tại nhưng hễ có quốc sự gì đều cùng quần thần bàn luận thì nước mới được tồn tại lâu dài. Phật là Pháp vương cũng như vậy, tuy được tự tại nhưng vì duy trì Phật

pháp nên hễ có pháp sự gì đều nhóm Tăng cùng Tăng hòa hợp, để cho chánh pháp được tồn tại lâu dài; bốn là Phật muốn làm tiêu biểu cho đệ tử ở hiện tại và vị lai, hễ là việc Tăng thì bất luận có năng lực hay không có năng lực đều cần phải hỏi ý kiến Tăng, cùng Tăng hòa hợp, không được độc đoán chuyên quyền; năm là pháp của chư Phật đều như vậy, không chỉ riêng Phật Thích ca.

Tăng có năm loại:

Một là Tăng bầy dê: Loại Tăng không biết bố tát, hành trì (phát thẻ đếm số người), an cư, tụng kinh, tác pháp yết ma... tất cả Tăng sự thấy đều không biết giống như bầy dê.

Hai là Tăng không hổ thẹn: Loại Tăng mà cả chúng cùng làm việc phi pháp như hành dâm, uống rượu, ăn quá ngọ... tất cả những người phạm giới, phi pháp như vậy cùng ở chung với nhau không có hổ thẹn.

Ba là Tăng biệt chúng: Như khi yết ma chi y vật của tỳ-kheo chết để lại, do tâm tham uế nên dù có khách Tỳ-kheo đến cũng không cho vị này đồng yết ma. Hễ làm yết ma theo tâm biệt chúng như vậy thì gọi là Tăng biệt chúng.

Bốn là Tăng thanh tịnh: Tất cả Tăng phạm phụ trì giới thanh tịnh, không làm việc phi pháp thì gọi là Tăng thanh tịnh.

Năm là Tăng đệ nhất nghĩa đế: Chỉ cho bốn Quả, bốn Hướng.

Hỏi: Nếu tập Tăng thì tập hợp loại Tăng nào trong năm loại Tăng trên?

Đáp: Tập hợp hai loại Tăng, có thuyết cho rằng ba loại Tăng kia tuy làm việc phi pháp nhưng đều là đệ tử Phật, sao chỉ tập hợp có hai loại Tăng, đúng lý nên tập hợp cả năm loại Tăng.

Biết mà vẫn hỏi: Một là theo pháp thường của chư Phật, hai là Phật không việc gì mà không biết nhưng muốn khiến cho người phạm tội tâm phục nhận tội, tùy thuận tự thú rồi sau mới dùng pháp để trị; ba là muốn làm cho chúng sanh an vui. Tuy Phật không việc gì là không biết, không nghe thấy nhưng nếu không hỏi mà tự dùng cái thấy nghe hay biết của mình để kết tội định tội thì chúng sanh thường ôm lòng lo sợ, không thể tự an, như vậy Phật tập hợp Tăng không phải là làm cho chúng sanh an vui; bốn là nếu xét xử nghịch với tâm người thì không phải là nghi pháp của bậc Thánh chủ đại nhân.

Đúng thời mới hỏi: Một là phải hỏi ở trong chúng Tỳ-kheo, ở trước Sa-di và cư sĩ thì không hỏi; hai là đúng lúc nên kết giới mới hỏi.

Có lợi ích mới hỏi: Một là Tu-đề-na thường ôm lòng lo buồn hỏi

hận nên Phật hỏi là muốn khiến cho Tu-đề-na biết việc mà mình đã làm trước khi Phật kết giới là không phạm thì không còn lo buồn hối hận nữa; hai là Phật nhân việc này mới kết giới để dứt trừ những việc phi pháp trong tương lai; ba là sau khi Phật kết giới biết là tội nặng hay nhẹ, là Hữu tàn hay là Vô tàn, có thể sám hối được hay không thể sám hối được, mới dứt hết lưới nghi; bốn là do có mười công đức lợi nên hỏi. Có nhân duyên mới hỏi: Tức là nhân duyên kết giới.

Nói thầy là người ngu si: Phật đại từ bi không nói lời thô ác, vì sao lại nói thầy là người ngu si? một là lời Phật nói ra là thật ngữ, không phải là ác khẩu, do Tu-đề-na là người có đủ phiền não trói buộc, hoàn toàn ngu si; hai là vì tâm từ bi nên phải quở trách để chiết phục, như vậy nói là người ngu si không phải là lời thô ác.

Mở cửa hữu lậu: Từ kiếp sơ trở lại đây chưa có nam nữ làm việc dâm dục, Tu-đề-na là người đầu tiên hành dâm là căn bản ác pháp. Phật pháp ban đầu vốn thanh tịnh chưa có việc phi pháp, Tu-đề-na là người đầu tiên làm điều ác, mở đầu cho tội lỗi phi pháp trong tương lai nên nói là mở cửa hữu lậu.

Thà đem thân phần bên trong để vào miệng rắn độc: rắn có ba điều hại người: Một là có thấy mới hại người, hai là có xúc chạm mới hại người, ba là cắn mổ hại người. Có ba loại giặc làm hại thiện pháp nơi người: Một là nếu thấy người nữ khởi tâm dâm dục thì diệt mất thiện pháp nơi người; hai là nếu xúc chạm người nữ, phạm tội Tàn thì diệt mất thiện pháp nơi người; ba là nếu cùng giao hội, phạm tội Ba-la-di thì diệt mất thiện pháp nơi người. Bị rắn độc cắn chỉ hại chết thân này, còn bị người nữ hại thì hại vô số thân; lại nữa, bị rắn độc cắn chỉ hại được thân Vô ký, còn bị người nữ hại thì hại đến thiện pháp thân; lại nữa, bị rắn độc cắn chỉ hại được thân năm thức, còn bị người nữ hại thì hại cả thân sáu thức; lại nữa, bị rắn độc cắn vẫn được hành trừ thuyết giới với chúng tăng, được ở trong số mười bốn vị được Tăng sai và làm tất cả yết ma, còn bị người nữ hại thì không được cùng Tăng làm các Tăng sự; lại nữa, bị rắn độc cắn vẫn được sanh lên cõi trời người, được gặp Hiền thánh còn bị người nữ hại thì đọa trong ba đường ác; lại nữa, bị rắn độc cắn vẫn được bốn Quả Sa-môn, còn bị người nữ hại thì dù tám chánh đạo truyền khắp thế gian cũng đều vô ích; lại nữa, bị rắn độc cắn cũng được người thương xót cứu giúp, còn bị người nữ hại thì chúng Tăng đều bỏ mặc, tất cả trời rồng thiện thần đều xa lìa, bị các Hiền thánh quở trách.

Do mười công đức lợi: Nếu kết giới này tức là thuận theo mười

công đức lợi và sẽ được mười công đức lợi này; nếu giữ một giới, vị lai sẽ được quả báo của một giới và được quả báo của mười công đức lợi, tất cả giới khác cũng đều như vậy.

Không cùng ở chung: Một là không cùng làm tất cả các pháp yết ma, các Tăng sự; sở dĩ không cùng ở chung là để cho bốn bộ trời rồng quỷ thần sanh tâm tín kính, nếu cùng ở chung và cùng làm Tăng sự với người ác thì không do đâu tín kính. Hai là biểu hiện Phật pháp không riêng tư, không thương ghét, nếu người thanh tịnh thì cùng ở chung, nếu không thanh tịnh thì không ở chung. Ba là ngăn dứt phỉ báng, vì nếu cùng ở chung và cùng làm Tăng sự với người ác thì ngoại đạo tà kiến và người đời sẽ phỉ báng rằng: “Phật pháp không có gì đáng quý, bất luận thiện hay ác đều cùng ở chung và làm việc chung”. Bốn là giúp cho người giữ giới được an lạc, tăng trưởng căn lành và khiến cho người phá giới sanh tâm hổ thẹn, chiết phục tâm ác.

Cho đến súc sanh: Do có một Tỳ-kheo một mình ở trong rừng vì cho là ở trong chúng nhiều việc, nhiều phiền não trở ngại tu tập thiện pháp; lại cho là ở trong chúng nghe nhiều, thấy nhiều, nói nhiều tuy sanh nhiều trí huệ nhưng ít thiền định, cần phải ở nơi thanh vắng để tu tâm; khi được Định nhiều rồi mới ở trong chúng cầu tri kiến. Đầu tiên khi Phật chế giới Dâm, chỉ chế không được cùng người nữ hành dâm, chưa chế súc sanh, do Tỳ-kheo ở trong rừng này làm pháp ác cùng với súc sanh nên Phật mới tùy việc chế thêm là cho đến súc sanh, vì trong sáu đường súc sanh là loài thấp nhất; nói chung là đối với tất cả loài có thể hành dâm đều kết giới. Luận về phạm tội có ba: Một là tội nghiệp đạo, hai là tội ác hạnh và ba là tội phạm giới. Tu-đề-na trong ba tội này thì phạm tội ác hạnh vì dâm dục là pháp ác, không phạm tội nghiệp đạo vì người nữ đó là vợ trước kia của mình, không có tội phạm giới vì Phật chưa kết giới này. Tỳ-kheo trong rừng phạm tội ác hạnh vì dâm dục là pháp ác và phạm tội nghiệp đạo vì hành dâm với khỉ cái vốn là thuộc về khỉ đực, không có tội phạm giới vì Phật chưa kết giới. Cả Hai Tỳ-kheo này đều là người phạm trước khi Phật kết giới nên không có tội phạm giới.

Nếu Tỳ-kheo: Là chỉ cho tất cả Tỳ-kheo trong bảy loại thọ đặc giới. Học: Có ba là học Giới tăng, học Tâm tăng và học Huệ tăng.

Hỏi: Học có rất nhiều vì sao chỉ nêu có ba?

Đáp: Vì ba môn học này nhiếp hết tất cả môn học. Học Giới tăng là học năm thiên giới để phòng hộ điều ác nơi thân khẩu, tịnh tu thân khẩu; học Tâm tăng là dứt trừ tâm cấu nhiễm đối với tất cả pháp; học

Huệ tăng là thấy rõ cội gốc của pháp tướng để dứt trừ ác pháp. Lại nữa, học Giới tăng tức là học Tỳ-ni; học Tâm tăng tức là học Tu-đa-la; học Huệ tăng tức là học A-tỳ-đàm. Lại nữa, học Giới tăng là học năm thiên giới; học Tâm tăng là đăc Sơ thiên có năm thiên chi, đăc Nhị thiên có bốn thiên chi cho đến đăc Tứ thiên; học Huệ tăng là thấy đăc bốn đế lý. Lại nữa, diệt trừ các ác luật nghi và các điều phi oai nghi để đăc năm thiên giới thanh tịnh thì gọi là học Giới tăng; do Giới thanh tịnh nên Tâm thanh tịnh thì gọi là học Tâm tăng; tư duy nghĩa lý thâm diệu đăc tăng trưởng thiện pháp thì gọi là học Huệ tăng. Lại nữa, trong Kinh nói tu giới tu tâm tu huệ, nên biết đăc ba môn học này nhiếp hết các môn học. Lại nữa, trong tám chánh đạo, chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng là học Giới tăng; chánh định là học Tâm tăng; chánh kiến, chánh chí, chánh phương tiện, chánh niệm là học Huệ tăng. Lại nữa, đăc năm thiên giới là học Giới tăng; đăc Thiên giới là học Tâm tăng; đăc Vô lậu giới là học Huệ tăng. Lại có ba môn học là học Oai nghi, học Tỳ-ni và học Ba-la-đề-mộc-xoa; học Oai nghi là học tất cả giới và oai nghi; học Tỳ-ni là diệt tất cả ác pháp; học Ba-la-đề-mộc-xoa là học năm thiên giới.

Hỏi: Vì sao phải phân biệt lại học giới một lần nữa?

Đáp: Ngoại đạo cũng có học Giới tăng cho nên phân biệt lại lần nữa để hiển rõ ngoại đạo không có học Giới tăng; vì tuy ngoại đạo đoạn trừ kiết sử đăc đăc Tam không nhưng không thể đoạn trừ các kiết sử ở cõi Phi tưởng xứ; Phật pháp đoạn trừ cội gốc kiết sử nên gọi là học Giới tăng. Lại nữa, ngoại đạo đoạn trừ kiết sử, nhờ thượng phẩm đoạn trừ hạ phẩm; còn Phật pháp vừa dùng thượng phẩm đoạn trừ hạ phẩm, vừa dùng hạ phẩm đoạn trừ thượng phẩm. Lại nữa, ngoại đạo cũng chế bốn giới trọng: Một là không dâm dục với vợ của thầy, hai là không trộm cắp vàng, ba là không giết Bà-la-môn, bốn là không uống rượu trắng; Phật pháp không chỉ như thế: Một là tất cả không đăc dâm dục, hai là tất cả không đăc trộm cắp, ba là tất cả không đăc giết hại, bốn là tất cả không đăc vọng ngữ và năm là tất cả loại rượu không đăc uống.

Đồng vào học pháp: Là pháp mà Tỳ-kheo mới thọ giới phải học, Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ cũng học như thế.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ cũng đồng học pháp với Tỳ-kheo mới thọ giới thì Tỳ-kheo mới thọ giới phải làm những việc như quét nhà, lau chùi, xách nước...; Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ có làm những việc như thế hay không?

Đáp: Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ cũng đã làm từ trẻ đến già nên Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải làm những việc đó từ trẻ cho đến già; pháp mà Tỳ-kheo mới thọ giới phải học, Tỳ-kheo một trăm tuổi hạ cũng đã học như thế. Trong đây nói học là học hai trăm năm mươi giới và tất cả pháp oai nghi.

Nói tôi bỏ Phật...: Có tất cả hai mươi một việc xả giới, từ bỏ Phật cho đến không làm bạn đồng học với thầy nữa, có tất cả là hai mươi một việc, chỉ cần làm một việc đều gọi là xả giới.

Hỏi: Nói bỏ Phật là trên căn bản đã bỏ Tam bảo thì có còn gọi là xuất gia nữa hay không?

Đáp: Có luận nói không còn gọi là xuất gia nữa vì đó là điều ác căn bản; nhưng có thuyết lại nói vẫn gọi là xuất gia vì không rơi vào một trăm lễ một pháp Giá (ngăn), vì trên căn bản tuy đã xả giới thanh tịnh nhưng vẫn có thể quy y Phật trở lại. Kinh nói: “Không có pháp nào mau hơn Tâm”, tâm của phàm phu khinh suất vội vàng hoặc thiện hoặc ác nên không thể vì trong chốc lát làm ác mà liền bỏ hẳn, nên trên căn bản tuy nói bỏ Phật nhưng sau vẫn được xuất gia trở lại. Nhưng đã nói bỏ Phật rồi thì trong đời hiện tại không có được việc thiện tốt lành, vì đã làm việc không tốt, không lợi ích sẽ chuốc họa vào thân.

Muốn xả giới không tội: Nếu muốn xả giới cụ túc thì nên nói là tôi xả giới cụ túc, tôi là Sa-di; nếu muốn xả giới xuất gia thì nên nói là tôi xả giới xuất gia, tôi là Ưu-bà-tắc; nếu muốn xả năm giới thì nên nói là tôi là Ưu-bà-tắc thọ pháp Tam quy. Nếu nói như thế thì thành xả giới mà không có tội; nếu đã mặc y phục của cư sĩ, có người hỏi cơ sao làm như thế, đáp là tôi bỏ đạo, tôi làm cư sĩ thì cũng gọi là xả giới. Khi xả giới không cần có người xuất gia, nếu có cư sĩ bất luận là đệ tử Phật hay không phải đệ tử Phật, chỉ cần người này nghe tiếng nói hiểu được nghĩa đều được xả giới; khi xả giới chỉ cần nói một lần liền xả, không cần nói đến ba lần.

Hỏi: Khi thọ giới phải có Tam sư thất chứng, vì sao khi xả giới chỉ cần nói với một người thì liền xả?

Đáp: Vì thọ giới là cầu pháp tăng thượng, muốn đắc giới phải cần nhiều duyên nhiều lực hỗ trợ; còn xả giới như từ trên cao rơi xuống thì không cần phải có nhiều duyên, nhiều người. Lại nữa, vì không muốn cho người trước mặt (người muốn xả giới) sanh tâm phiến não nói rằng: “Phật pháp thật có nhiều duyên phiến não, khi thọ giới thì có thể cần nhiều duyên nhiều lực nhiều người, còn xả giới cần nhiều duyên nhiều người làm gì”. Lại nữa, thọ đắc giới như được tiền tài châu báu, còn xả

giới như mất tiền của; lại như vào biển tìm châu báu cần phải có nhiều phương tiện mới tìm được, nhưng khi mất hoặc bị trộm cướp, hoặc bị nước cuốn trôi hay bị lửa cháy... thì trong chốc lát đều mất hết không còn, xả giới cũng giống như vậy. Bồ Tam bảo sở dĩ thành xả giới là vì khi thọ giới phải quy hướng Tam bảo mới đắc giới; bồ Hòa thượng, A-xà-lê thành xả giới là vì nhờ có Hòa thượng, A-xà-lê mới đắc giới; bồ Tỳ-kheo... cho đến nói rằng: “Tôi không làm bạn đồng học với thầy nữa” đều thành xả giới, vì vốn cùng quy hướng một Vị một Đạo mà nay nói bỏ tức là nghĩa Phật pháp đoạn dứt, cho nên bỏ Phật pháp thì giới liền mất.

Hòa thượng có bốn loại: Một là loại có pháp mà không có y thực, hai là loại có y thực mà không có pháp, ba là loại vừa có pháp vừa có y thực, bốn là không có pháp cũng không có y thực. Nay nói bỏ Hòa thượng tức là bỏ cả bốn loại trên.

A-xà-lê có năm bậc: Một là thọ giới A-xà-lê, hai là Oai nghi A-xà-lê, ba là Y chỉ A-xà-lê, bốn là học kinh A-xà-lê và năm là xuất gia A-xà-lê. Nay nói bỏ A-xà-lê tức là bỏ cả năm bậc trên.

Làm pháp dâm dục: Một là có hành dâm nhưng thân không xúc chạm nhau, như trường hợp Tỳ-kheo Nhược Yêu đưa nam căn vào miệng tự hành dâm; hoặc như Tỳ-kheo Trưởng căn đưa nam căn vào chỗ hành dâm tự hành dâm. hai là tuy thân xúc chạm nhau nhưng không phạm Dâm, như hành dâm với người nữ bị hoại nữ căn. Ba là thân xúc chạm nhau và phạm Dâm, như hành dâm với người nữ không bị hoại nữ căn. Bốn là không phải thân xúc chạm nhau cũng không phạm Dâm, như hành dâm với người nữ đã chết ở chỗ không phải là chỗ hành dâm. Nếu thân xúc chạm nhau mà hành dâm thì phạm Ba-la-di, Ba-la-di nghĩa là rơi vào chỗ không như ý, như hai người đánh nhau ắt có một người thắng, một người thua. Tỳ-kheo thọ giới là muốn thoát khỏi sanh tử phải củng cố bốn Ma đánh nhau, nếu phạm giới này liền rơi vào chỗ thua.

Hỏi: Phạm năm thiên giới đều rơi vào chỗ thua, vì sao chỉ có thiên giới này là thành tên gọi?

Đáp: Bốn thiên giới kia tuy phạm cũng rơi vào chỗ thua, nhưng chỉ cần sám hối thì tội liền tiêu diệt, không phải vĩnh viễn rơi vào chỗ thua nên không thành tên gọi. Như kẻ thù dùng dao giết người nhưng người chưa chết, tuy gọi là thắng nhưng không phải là quyết định thắng, phải giết chết mới là quyết định thắng. Phạm bốn thiên giới kia cũng như giết người mà người chưa chết, còn phạm thiên giới trọng này như người

bị giết chết, nên được thành tên gọi. Như người đi chinh phạt nước khác tuy bắt được các quan cũng gọi là được thắng, nhưng chưa phải là đại thắng, phải bắt được vua mới gọi là đại thắng. Cũng vậy phạm các thiên giới khác, bốn Ma chưa gọi là đại thắng, nếu phạm thiên giới trọng này thì quyết định rơi vào chỗ thua. Lại nữa, như hạt giống gieo ở ruộng tốt nếu gặp sương và mưa đá thì sẽ không thu hoạch kết quả; phạm thiên giới trọng này cũng vậy không thể chứng được bốn Quả Sa-môn. Lại nữa, như hạt giống chầy dù gieo ở ruộng tốt và được vun phân tưới nước điều độ vẫn không thể nảy mầm; phạm thiên giới trọng này cũng vậy, dù siêng năng tinh tấn vẫn không thể chứng bốn Quả Sa-môn. Lại như cây Đa-la bị chặt ngọn không thể sinh trưởng được nữa; phạm thiên giới trọng này cũng vậy, không thể tăng trưởng bốn Quả Sa-môn. Lại như cây bị chặt đứt rễ, cây liền khô héo và chết; phạm thiên giới trọng này thì cây Đạo liền khô héo. Lại nữa, nếu phạm thiên giới trọng này thì bị Tăng từ bỏ, trời rồng thiên thần xa lánh và bị Hiền thánh quở trách, cho nên thành tên gọi. Lại nữa, nếu phạm thiên giới trọng này thì không tiêu được tất cả sự cúng thí của đàn việt; lại giống như cây chết ở trong đại chúng, không được làm gì, không được lợi ích gì; nếu phạm thiên giới trọng này thì dù ở trong đại chúng xuất gia thanh tịnh vẫn không thể chứng được bốn Quả Sa-môn. Lại như y phục cũ rách bị người vất bỏ, nếu phạm thiên giới trọng này sẽ bị đại chúng vất bỏ, không được cùng Tăng thuyết giới bố tát, tự tứ và làm các pháp yết ma, cũng không được xếp vào mười bốn hàng người được Tăng sai, nên thành tên gọi là Ba-la-di, rơi vào chỗ thua, chỗ không như ý.

Cho đến súc sanh: Nếu cùng người nữ giao hội thì thọ ái dục đầy đủ, còn giao hội với súc sanh cái thì nhiễm tình dục ít; vì súc sanh là loài thấp nhất trong năm đường nên nói là cho đến súc sanh.

Nếu phạm bốn giới trọng, vừa phạm lần đầu thì kết tội Ba-la-di; phạm lần thứ hai cho đến nhiều lần chỉ kết tội Đột-kiết-la. Hành dâm với người nữ và nữ phi nhân ở ba chỗ hành dâm thì phạm Ba-la-di, phạm phương tiện Thâu-lan-giá có khinh trọng, phạm trọng Thâu-lan-giá nên sám trong đại chúng, quỳ gối chấp tay xin ba lần, Tăng nên đơn bạch cho sám, khi sám hối nên nói ba lần; phạm khinh Thâu-lan-giá nên sám hối trước bốn Tỳ-kheo ở ngoài giới, cách sám cũng giống như vậy. Phạm khinh Thâu-lan-giá là như trường hợp muốn hành dâm nên đứng dậy nhưng ngồi xuống lại; hoặc cất bước chân đến chỗ người nữ nhưng chưa xúc chạm đã quay trở lại. Phạm trọng Thâu-lan-giá là như trường hợp hành dâm với người nữ sống hay chết ở ba chỗ hành

dâm đã bị hoại hoặc bị trùng ăn trong đó; hoặc hành dâm với người nữ sống hay chết không phải ở chỗ hành dâm, tức là từ nách trở xuống cho đến bắp vế. Trường hợp muốn hành dâm với súc sanh cái và người hai căn phạm Thâu-lan-giá khinh hay trọng cũng giống như trên đã nói. Trường hợp muốn hành dâm với người nam, phi nhân nam, súc sanh đực, huỳnh môn phạm Thâu-lan-giá khinh trọng cũng giống như trên đã nói. Nếu thân người nam xúc chạm người nữ nhưng chưa xuất tinh thì phạm khinh Thâu-lan-giá, nếu xuất tinh thì phạm trọng Thâu-lan-giá; trừ ba chỗ hành dâm, xuất tinh ở các chỗ trên thân phần khác thì phạm Tăng tàn. Nếu phạm giới trong năm thiên, mỗi mỗi giới đều phạm ba tội, như phạm giới trong thiên Ba-la-di có ba tội: Một là tội Ba-la-di vì phạm giới thể là Ba-la-di, hai là tội Ba-dật-đề vì trái lời Phật dạy, ba là tội Đột-kiết-la vì phạm oai nghi. Như thế cho đến phạm các giới trong thiên Chúng học pháp cũng có ba tội: Một là tội Đột-kiết-la vì phạm giới thể là Đột-kiết-la, hai là tội Ba-dật-đề vì trái lời Phật dạy, ba là tội Đột-kiết-la vì phạm oai nghi. Khi sám hối, chỉ cần sám tội phạm giới thể thì hai tội kia đồng tiêu diệt vì giới thể là căn bản.

b. Nhân duyên kết Giới Trộm:

Phật tại thành Vương xá, có luận sư giải thích nước này là nước lớn mạnh nhất trong mười sáu nước lớn lúc bấy giờ, thành tên là Vương xá. Lại nữa do nước này có con rồng dữ gây nhiều tai hại, phá hoại nhà cửa của dân chúng, chỉ có cung vua là không bị phá hoại nên gọi tên là thành Vương xá. Lại nữa do thuở xưa dân chúng ở nước này lúc thời thế mất mùa đói kém đã ăn đủ loại thịt như thịt chó, thịt rắn... khiến cho quỷ La sát vào nước này làm nhiều điều quái lạ. Vua hỏi biết rõ được nguyên nhân liền ra sắc lệnh không được ăn các loại thịt bất tịnh và lập ra nhiều phép tắc lễ nghi khác, do vương pháp mạnh nên gọi tên là thành Vương xá. Lại nữa do trong nước này có năm trăm vị Phật Bích chi và năm trăm tiên nhân thường được dân chúng cung cấp mọi thứ cần dùng, do có nhiều bậc tiên thánh nên gọi tên là thành Vương xá. Trong mười sáu nước lớn có hai nước lớn mạnh: Một là nước của vua Ưu-điền, hai là nước Ma-kiết-đà; nước của vua Ưu-điền cho áo mũ của vua là thù thắng, còn nước Ma-kiết-đà cho quốc pháp lễ nghĩa là thù thắng. Pháp thức lễ nghĩa của các nước khác trong mười sáu nước lớn, vua nước Ma-kiết-đà hoặc dùng hoặc không dùng; nhưng các nước kia đều dùng theo pháp thức lễ nghĩa của nước Ma-kiết-đà, vì vậy gọi tên là thành Vương xá. Lại nữa do ở nước này Phật đã ngồi trên tòa sư tử dưới cội Đạo thọ mà chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề,

Địa thần của nước này lại có thế lực lớn thường ủng hộ vua khiến cho nước này hùng mạnh, các nước khác đều quy phục nên gọi tên là thành Vương xá.

Rất nhiều Tỳ-kheo cùng một chỗ an cư: Tất cả thời Phật đều tiền an cư, chỉ có ở nước Tỳ-la-nhiên là hậu an cư vì có nhân duyên.

Hỏi: Phật từ người khác thọ an cư hay tự an cư?

Đáp: Có thuyết cho là Phật từ người khác thọ an cư, có thuyết lại cho là Phật tự an cư, vì sao, vì Phật từ đã chứng được mười lực, bốn Vô úy... nên không từ người khác thọ an cư; lại nữa, Phật tự chế pháp này nên Phật tự an cư.

Hỏi: Phật nói ba lần an cư hay là nói một lần an cư?

Đáp: Phật tâm niệm an cư, không cần nói ra vì Phật không quên điều này.

Hỏi: Phật có đồng với chúng tăng Bồ tát, tự tứ... các pháp yết ma và làm tất cả Tăng sự hay không?

Đáp: Phật không đồng với chúng tăng Bồ tát, tự tứ... các pháp yết ma và làm tất cả Tăng sự, cũng không cần gởi dục thanh tịnh, vì nơi Phật không gì không phải là pháp nên Phật không vào trong Tăng số. Sau khi thành đạo trong vòng mười hai năm Phật thường ở trong Tăng thuyết giới bố tát, sau mười hai năm do có pháp ác sanh nên Phật không thuyết giới nữa mà bảo các đệ tử thuyết giới.

Hỏi: Phật có trí huệ vô biên, có biện luận vô biên vì sao trong mười hai năm khi thuyết giới chỉ thường nói có một bài kệ?

Đáp: Tuy Phật chỉ thường nói có một bài kệ nhưng chúng sanh nghe thọ không ai giống ai, Phật dù nói hay im lặng đều có người được hóa độ; cho nên dù có biện luận vô biên, Phật cũng không nói khác cũng không nói nhiều thêm.

Lúc đó Phật cùng tôn giả A-nan: Hễ Phật chế giới ắt là do việc từ bên ngoài, từ người nào đó có việc để làm nhân duyên kết giới nên Phật mới cùng A-nan đi xem xét phòng xá.

Phật bảo A-Nan-đập phá ngôi nhà: Nếu người khác đập phá ắt có sanh tranh cãi, nhưng A-Nan-đập phá thì mọi người đều phục. Lúc bấy giờ trong giáo đoan của Phật có ba người có sức mạnh không ai sánh bằng: Một là A-nan, hai là Câu-di và ba là một người thuộc dòng họ Thích; A-nan có thể chuyển tảng đá lớn đi bốn mươi dặm nên khi đập phá ngôi nhà này, mọi người sợ nên đều phục. Lại nữa người khác nếu đập phá ngôi nhà bằng gạch kiên cố thì không thể đập phá được, do A-nan có sức mạnh nên trong chốc lát liền phá xong.

Nhân duyên lậu kết: Lậu kết có hai: Một là Căn bản phiền não như trường hợp Tu-đề-na và Tỳ-kheo trong rừng thuộc giới Dâm ở trên, hai là trường hợp Tỳ-kheo tự làm phòng xá, có sản nghiệp riêng nên nhiều việc, nhiều phiền não làm trở ngại cho việc tụng kinh ngồi thiền là chánh nghiệp của tỳ-kheo nên gọi là nhân duyên lậu kết.

Đát-ni-tra im lặng: Đát-ni-tra là Tỳ-kheo làm ngôi nhà bị đập phá này, do Phật là pháp vương bảo đập phá ắt có nguyên nhân: Một là vì nhà làm phi pháp nên Phật bảo đập phá, hai là vì Phật không đồng ý nên mới bảo đập phá, vì vậy Đát-ni-tra im lặng. Vì sao Phật bảo đập phá ngôi nhà mới xây này, vì Phật muốn đoạn trừ nhân duyên lậu kết sẽ xảy ra trong tương lai nên bảo đập phá khiến cho người thấy sanh sợ.

Hỏi: Sự sợ hãi này thuộc cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô sắc, là cùng tâm tương ứng hay không cùng tâm tương ứng?

Đáp: Thuộc cõi Dục và cùng tâm tương ứng.

Hỏi: Tam tai ở cõi Sắc lên tới cõi Tam thiên, chư thiên từ cõi trời dưới lên tới cõi trời này không có sợ hãi hay sao?

Đáp: Chư thiên cõi Sắc chỉ có nhàm lìa không có sợ hãi, sợ hãi chỉ có trong cõi Dục.

Hỏi: Ai có sự sợ hãi này?

Đáp: Phạm phu cõi Dục, bốn Thánh quả cho đến Phật Bích chi đều có sự sợ hãi này, chỉ có Phật là không sợ hãi.

Liên đến chỗ Vua hỏi rằng: “Vì sao Vua lại đem cây gỗ lớn cho Tỳ-kheo?”: Vì sao đã là thân hạ lại hỏi thẳng vua như vậy, một là vì dựa trên chánh nghĩa lý nên hỏi thẳng, hai là tuy hỏi thẳng nhưng lời dịu dàng khiêm hạ.

Khi vua mới lên ngôi:

Hỏi: Khi Tỳ-kheo này đến hỏi lấy cây gỗ lớn là có suy nghĩ hay là nói vội vàng không suy nghĩ?

Đáp: Nói vội vàng không suy nghĩ.

Hỏi: Tỳ-kheo này có tội với ai, với dân chúng trong nước hay là với người chủ cây gỗ hay là với Vua?

Đáp: Có tội với Vua, vì do vua khi mới lên ngôi đã nói với các Tỳ-kheo như thế.

Hỏi: Vì sao Vua không đem việc này bạch Phật?

Đáp: Vì đây là việc nhỏ nên Vua không bạch Phật, lại vì việc này đáng hổ thẹn nên không bạch Phật.

Phật bảo A-nan đi hỏi...

Hỏi: Ba giới kia vì sao Phật không bảo A-nan đi hỏi, trong giới

này lại bảo đi hỏi?

Đáp: Vì giới này liên quan tới vương pháp còn ba giới kia thì không, giới này phải nương theo vương pháp trộm cắp bao nhiêu mới bị xử tội tử, sau đó mới kết giới, vì thế Phật mới bảo A-nan đi hỏi. hai giới Dâm và Sát hễ việc thành thì tội thành nên không cần hỏi; giới Vọng ngữ không liên quan gì tới vương pháp cho nên cả ba giới này Phật đều không bảo A-nan đi hỏi.

Hỏi: Phật biết rõ tất cả pháp tướng thì cần gì bảo đi hỏi?

Đáp: Vì để ngăn dứt phỉ báng, Phật tuy tự tại, tùy ý tự chế giới nhưng nếu hỏi rõ vương pháp, nương theo vương pháp để kết giới thì chúng sanh mới tâm phục.

Hỏi: Dù người tin hay không tin, A-nan cũng đều hỏi, cố sao lại như thế?

Đáp: Vì nếu chỉ hỏi người tin thì sợ họ vì Tỳ-kheo mà nói là trộm nhiều tiền mới phạm tội trọng; nếu chỉ hỏi người không tin thì sợ họ ganh ghét mà nói là trộm ít cũng phạm tội trọng. Vì thế A-nan phải hỏi cả người tin và người không tin, cả kẻ oán người thân mới biết rõ trộm bao nhiêu tiền thì bị xử tội tử.

Trộm đến năm tiền là phạm tội trọng: Tiền trong đây bao gồm tiền vàng, tiền bạc, tiền đồng, tiền sắt... không nhất định. Trong ba cõi hiện có Phật pháp là cõi Diêm phù đề, cõi Câu-da-ni và cõi Phất-Bà-đề, chỉ có vương pháp của thành Vương xá là lấy năm tiền phạm tội trọng. Phật dựa theo vương pháp này để kết giới trộm năm tiền trở lên thì phạm Ba-la-di.

Thầy là Tỳ-kheo trộm cắp, không cho mà lấy như vậy: Có bốn câu: Một là không cho mà lấy nhưng không phải là giặc, như vật có chủ tưởng là không có chủ nên lấy; hai là trộm giặc, không phải là không cho mà lấy, như trong Tăng dọn đưa thức ăn mỗi người ba cái bánh, Tỳ-kheo có tâm trộm nên lấy bốn cái; hoặc vật vô chủ, tưởng là có chủ mà lấy. Ba là vừa trộm giặc vừa không cho mà lấy, như Tỳ-kheo có tâm trộm lấy vật có chủ; bốn là không phải trộm giặc cũng không phải không cho mà lấy, như không có tâm trộm và lấy vật vô chủ.

Tội: Chỉ cho tội thuộc năm thiên, ngoài năm thiên giới ra cũng có đủ loại tội. Phật chế giới chỉ rõ tội trọng tội khinh nên nói: “Đây là tội Ba-la-di, đây là tội Tăng-già-bà-thi-sa, đây là tội Ba-dật-đề, đây là tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, đây là tội Đột-kiết-la”.

Thọ chức vị vua: Hỏi: Người nữ có năm điều chướng do đâu được làm vua?

Đáp: Không được làm Chuyển luân thánh vương, nhưng làm vua nước nhỏ thì không có gì chướng ngại.

Vật có chủ: Chỉ cho tất cả vật có chủ, như trong đất có phục tàng (mỏ vàng, mỏ bạc...), nếu đất thuộc vua thì phục tàng thuộc về vua, tức là có chủ; nếu vật không có chủ sanh nghi mà lấy thì phạm Thâu-lan-giá. Như lấy vật trong tháp hay bên ngoài tháp đều là vật của tháp của Phật dùng để cúng dường tháp, Phật; vật trong đất của Tăng cũng vậy; nếu vật ở trong Tăng phòng thì người trong phòng được dùng; nếu là vật của tỳ-kheo qua đời để lại thì Hiện tiền tăng nên chia. Trong núi rừng, nơi đồng trống, núi sạt lở làm cho cây bị gãy hoặc gió nóng, gió lạnh làm cho chim thú chết, Tỳ-kheo ở chỗ không có thức ăn thì được lượm lấy ăn không tội. Nếu lấy thức ăn dư của chim thú thì phạm Đột-kiết-la, lấy thức ăn dư của Sư tử thì không tội. Nếu trộm lấy tượng Phật để cúng dường thì không tội, nếu đem bán để được tiền thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu trộm Kinh bất luận cúng dường hay không cúng dường, tính theo giá tiền mà kết tội; nếu trộm lấy Xá lợi thì phạm Thâu-lan-giá.

Lấy vật rời khỏi chỗ: Có hai trường hợp: Một là lấy rời khỏi chỗ cũ, hai là lấy rời khỏi chỗ rồi trả lại chỗ cũ. Nếu lấy rời khỏi chỗ cũ mang đi thì phạm hai loại tội: Một là tội nghiệp đạo vì trộm vật của người khác, hai là tội Ba-la-di vì Phật đã chế giới. Nếu lấy rời khỏi chỗ rồi trả lại chỗ cũ thì chỉ phạm một tội vì trước đó tuy lấy rời khỏi chỗ nhưng không phạm tội nghiệp đạo, vì không làm tổn hại vật của người khác; tuy trả lại chỗ cũ vẫn phạm Ba-la-di.

Năm loại vật báu: Gồm có vàng, bạc, trân châu, san hô và tỳ lưu ly; năm loại tợ báu là đồng, tiền, thủy ngân, bạch lạp chì thiếc và năm là hợp lại làm thành các đồ trang sức trang nghiêm. Nếu cầm năm loại vật báu thì phạm Đột-kiết-la, lấy rời khỏi chỗ phạm Ba-dật-đề; nếu lấy tiền rời khỏi chỗ hay không rời khỏi chỗ đều phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo có thần thông, dùng thần thông lực bay qua các nước, nếu ở chỗ xuất phát và chỗ đến có vật phải đóng thuế mà không đóng thì phạm trọng; các nước đi ngang qua ở khoảng giữa không đóng thuế không phạm, nhưng nếu có mua bán đổi chác thì tùy vua quan, nếu vua quan chấp thuận thì Tỳ-kheo không tội, nếu vua quan không chấp thuận thì tính theo giá tiền mà định tội, đủ năm tiền thì phạm trọng.

